

Số: 1597/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 14 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 1 dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 1, phường quyết Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu V/v ban hành quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích đất tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND tỉnh Lai Châu sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND, Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ



một số điều của Quy định kèm theo Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND, số 35/2014/QĐ-UBND; bãi bỏ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng trên đất, cây trồng vật nuôi và các tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 06 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu và 01 dự án trên địa bàn huyện Tân Uyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 1070/TTr-TNMT ngày 09/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 1 dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới Bắc 4D - Lô 1, phường Quyết Tiến, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả bổ sung là: **1.137.630.049 đồng.**

(Bằng chữ: Một tỷ một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn không trăm bốn mươi chín đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	1.137.630.049 đồng
+ Bồi thường về đất:	229.029.151 đồng
+ Cây cối, hoa màu:	190.537.698 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	718.063.200 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 25 Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- UBND phường Tân Phong;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Minh Tuấn



PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (BỔ sung lần 1)

Dự án: Phát triển quỹ đất xây dựng khu dân cư đô thị mới bắc 4D - Lô 1, phường Quyết Tiến

(Kèm theo Quyết định số: 1597/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
A	TỔNG CỘNG				1.137.630.049
I	Chi trả cho chủ sở hữu				1.137.630.049
1	Đất	m ²	6.741,6		229.029.151
2	Cây cối hoa màu				190.537.698
3	Chính sách hỗ trợ				718.063.200
B	CHI TIẾT CHO CÁC HỘ DÂN				1.137.630.049
1	Đoàn Công Tú				
	Địa chỉ: Tổ 1, phường Tân Phong				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				160.299.300
a	Về đất				32.361.200
1	Diện tích thu hồi	m ²	951,8		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm	m ²	951,8	34.000	32.361.200
3	Vị trí (VT1)				
4	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng của gia đình ông Vũ Đình Thi được VPĐK QSD đất xác nhận ngày 11/4/2018, đất gia đình ông Thi được Nhà nước cấp GCNQSD đất số BQ 450 155 cấp ngày 25/12/2014 của UBND thành phố. Phần diện tích đất chồng lấn lên thửa 89 TĐĐ 2 đã cấp GCN BX792458 ngày 15/6/2017 cho bà Nguyễn Thị Luyến thửa 86 TĐĐ 2 đã cấp GCN BQ450156 ngày 25/12/2014 cho ông Ngô Ngọc Hiền; thửa 90 TĐĐ 2 đang quy chủ cho ông Vũ Đức Thuận là đất của gia đình ông Tú sử dụng ổn định không có tranh chấp có cùng nguồn gốc với diện tích đã được cấp GCN				
b	Cây cối hoa màu trên đất				26.174.500
1	Sản lượng chè 951,8 m ² *25tấn/ha/năm*2 năm	Kg	4.759,0	5.500	26.174.500
c	Chính sách hỗ trợ				101.763.600
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất tỷ lệ mất nông nghiệp từ 30 đến dưới 70% không phải di chuyển chỗ ở (Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) (2 khẩu*30kg gạo*6 tháng)	đồng/kg	360	13.000	4.680.000
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	951,8	102.000	97.083.600
2	Ngô Ngọc Hiền				
	Địa chỉ: Tổ 8, phường Quyết Tiến				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				785.976.000
a	Về đất				159.803.400

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Diện tích thu hồi	m ²	4.700,1		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm		4.700,1	34.000	159.803.400
3	Vị trí (VT1)				
4	Nguồn gốc: Được UBND thành phố Lai Châu cấp GCN QSD số BQ 450156 ngày 25/12/2014. Phần diện tích đất chồng lấn lên thửa 87 TĐĐ 2 đang quy chủ cho bà Đặng Thị Hào; thửa 89 TĐĐ 2 đã cấp GCN BX792458 ngày 15/6/2017 cho bà Nguyễn Thị Luyến thửa 147 TĐĐ 3 đang quy chủ cho bà Nguyễn Thị Luyến là đất của gia đình ông Tú sử dụng ổn định không có tranh chấp có cùng nguồn gốc với diện tích đã được cấp GCN				
b	Cây cối hoa màu trên đất				132.722.400
1	Cây mít bán kính phát tán từ 2 đến 4m	cây	1,0	360.000	360.000
2	Cây nhãn bán kính phát tán từ 2 đến 4m	cây	1,0	624.000	624.000
3	Cây ổi bán kính phát tán từ 2 đến 4m	cây	3,0	480.000	1.440.000
4	Cây nhãn bán kính tán từ 1 đến 2m	cây	8,0	420.000	3.360.000
5	cây bưởi bán kính tán từ 1 đến 2m	cây	2,0	360.000	720.000
6	Cây xoan đường kính 50 cm, cao 8m * 2 cây	m ³	3,1	480.000	1.507.200
7	Cây đu đủ đã cho thu hoạch	cây	2,0	144.000	288.000
8	Rau màu gói vụ	m ²	20,0	9.600	192.000
9	Chậu cây cảnh hỗ trợ di chuyển	chậu	12,0	24.000	288.000
10	Cây đu đủ trồng từ 1 đến 2 năm chưa cho thu hoạch	cây	1,0	43.200	43.200
11	Cây ăn quả trồng năm thứ nhất	cây	2,0	42.000	84.000
12	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	cây	1,0	66.000	66.000
13	sản lượng chè 4500 m2 *25 tấn/ha/năm* 2 năm	kg	22.500,0	5.500	123.750.000
c	Chính sách hỗ trợ				493.450.200
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất tỷ lệ mất trên 70% không phải di chuyển chỗ ở (Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) (3 khẩu*30kg gạo*12 tháng)	đồng/kg	1.080	13.000	14.040.000
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m ²	4.700,1	102.000	479.410.200
3	Nguyễn Hồng Anh				
	Địa chỉ: Tổ 9, phường Tân Phong				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				191.354.749
a	Về đất				36.864.551
1	Diện tích thu hồi	m ²	1.089,7		
2	Loại đất				
	Đất trồng cây lâu năm		1.089,7	34.000	37.049.800
	Tuy thu nghĩa vụ tài chính (0,5% lệ phí trước bạ)		1.089,7	34.000	185.249
3	Vị trí (VT1)				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6=4*5
4	Nguồn gốc: Nhận tặng cho từ bố Nguyễn Trường Giang tại hợp đồng tặng cho số 853 quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/8/2017 chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động theo quy định. Đất ông Giang được cấp GCN số BQ450158 ngày 25/12/2014 phần diện tích chồng lấn lên thửa 83 TBĐ 2 đã cấp GCN CM591201 ngày 15/5/2018 cho ông Trần Xuân Tư hiện trạng là đất của bà Anh sử dụng ổn định không có tranh chấp từ trước tới nay có cùng nguồn gốc với diện tích đã được cấp GCN QSD đất				
b	Cây cối hoa màu trên đất				31.640.798
1	Cây lấy gỗ D=40 cm, H= 7m (3 cây) (cây thông)	m ³	2,6	480.000	1.266.048
2	Cây mít bán kính tán từ 1 đến 2m	cây	2	204.000	408.000
3	Sản lượng chè 1.089,7 m ² *25tấn/ha/năm*2 năm	Kg	5.448,5	5.500	29.966.750
c	Chính sách hỗ trợ				122.849.400
1	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất tỷ lệ mất đất từ 30 đến dưới 70% không phải di chuyển chỗ ở (Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) (5 khẩu*30kg gạo*6 tháng)	đồng/kg	900,0	13.000	11.700.000
2	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo điểm a mục 1 điều 17 của Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 5/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu)	m2	1.089,7	102.000	111.149.400